

Phát hiện di tích thời Đá mới ở Hồ Tre, Đắk Lắk

La Thế Phúc^{1*}, Vũ Tiến Đức², Lương Thị Tuất¹, Bùi Văn Thơm³, Nguyễn Trung Minh¹

¹Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

²Viện Khoa học Xã hội vùng Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

³Viện Địa chất, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

Ngày nhận bài 28/8/2019; ngày chuyển phản biện 30/8/2019; ngày nhận phản biện 26/9/2019; ngày chấp nhận đăng 30/9/2019

Tóm tắt:

Di tích khảo cổ tiền sử Hồ Tre do La Thế Phúc và Lương Thị Tuất phát hiện trong một đợt khảo sát thực địa vào mùa khô năm 2018. Các di tích văn hóa chủ yếu phân bố trên bề mặt miệng núi lửa Hồ Tre có độ cao trung bình ~578 m so với mực nước biển. Tại đây, hàng loạt hiện vật đã được thu thập, bao gồm các công cụ đá như: rìu bầu dục, rìu ngắn, hạch đá, mảnh tước, bàn mài... được làm chủ yếu từ đá basalt, cát bột kết, cát bột kết dạng quartzit, đá sừng và một số mảnh gốm. Theo đánh giá sơ bộ ban đầu về khảo cổ học, đặc trưng về kỹ thuật và loại hình của hiện vật Hồ Tre đặc trưng cho thời đại Đá mới. Phát hiện này có ý nghĩa rất quan trọng, bổ sung thêm tư liệu nghiên cứu về thời đại Đá mới ở khu vực nam Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung.

Từ khóa: công cụ đá, di tích khảo cổ, Đá mới, hiện vật, Hồ Tre, núi lửa.

Chỉ số phân loại: 5.9

Mở đầu

Trong hơn chục năm gần đây, các di tích thuộc giai đoạn Trung kỳ Đá mới ở tỉnh Đắk Lắk lần lượt được phát hiện và công bố. Tính đến tháng 10/2018, thuộc địa phận tỉnh Đắk Lắk đã có 3 di tích ngoài trời thuộc giai đoạn Trung kỳ Đá mới được phát hiện và khai quật, gồm các di tích: Buôn Kiêu, Buôn Hằng Năm và Buôn Ea Chồ đều thuộc xã Yang Mao, huyện Krông Bông [1].

Lần đầu tiên, di tích tiền sử ở Hồ Tre (thuộc thôn Hòa Tây, xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk) được La Thế Phúc và Lương Thị Tuất cùng cộng sự phát hiện vào cuối tháng 11/2018 trong chuyến khảo sát thực địa, tìm kiếm di sản địa chất liên quan đến hoạt động núi lửa ở Tây Nguyên của đề tài TN17/T06¹. Hồ Tre trước kia là một ao/hồ nước nhỏ, xung quanh mọc đầy tre nên được người dân gọi là Hồ Tre. Thực chất, đây là một miệng núi lửa có tọa độ trung tâm là 12°03'21.7" và 108°00'50.2"; cao độ 578 m so với mực nước biển. Địa hình miệng núi lửa Hồ Tre khá thoải, có độ cao tương đối 5-10 m so với xung quanh; sườn ngoài rất thoải, khó nhận diện được địa hình núi lửa. Trên miệng núi lửa khá bằng phẳng, rộng vài hecta (chủ yếu thuộc rẫy nhà ông Huỳnh Văn Thọ, thôn Hòa Tây), ở giữa là một trũng hòng núi lửa hình lòng chảo có đường

kính khoảng 200 m, sâu 3-5 m so với gờ miệng núi lửa, được chia làm 2 bởi gò đất tự nhiên và con đường đất đắp dân sinh (hình 2). Trũng này thường xuyên chứa nước: mùa khô nước hạ thấp chỉ còn lại là 2 ao nhỏ đường kính khoảng 50-70 m, mùa mưa nước dâng ngập trên phạm vi rộng ra gần mép miệng núi lửa. Trên bề mặt gò đất và sườn ao phía trong của miệng núi lửa lộ ra rất nhiều công cụ đá và mảnh gốm của người tiền sử với mật độ dày đặc (hình 3, 4).

Tháng 12/2018, Đoàn khảo sát thực địa² của đề tài TN17/T06 đã đến khảo sát thăm định. Kết quả khảo sát đã thu được hàng trăm mẫu vật công cụ đá. Các mẫu này được để lại tại nhà ông Huỳnh Văn Thọ - người có quyền sử dụng đất đối với khuôn viên di tích, để lưu giữ phục vụ trưng bày tại chỗ.

Tháng 3/2019, Đoàn khai quật hang động³ của đề tài TN17/T06 gồm nhiều nhà khảo cổ học đã đến khảo sát, định hướng phương án khai đào hố thám sát và khai quật di tích Hồ Tre. Bước đầu xác lập di tích Hồ Tre có niên đại Đá mới thông qua việc đối sánh tư liệu hiện vật.

Tháng 4/2019, Đoàn khảo sát⁴ đã dọn sạch diện tích 1 m² trên vách của kênh dẫn nước, sâu vào trong vách 0,3 m và chiều cao của vách >1,0 m. Tại độ sâu 0,8 m đã phát lộ

¹Đề tài TN17/T06 "Nghiên cứu giá trị di sản hang động, đề xuất xây dựng bảo tàng bảo tồn tại chỗ ở Tây Nguyên; lấy ví dụ hang động núi lửa ở Krông Nô, tỉnh Đắk Nông", thuộc Chương trình Tây Nguyên giai đoạn 2016-2020; Chủ nhiệm đề tài: TS La Thế Phúc; Cơ quan chủ trì: Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Cơ quan chủ quản: Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam.

*Tác giả liên hệ: Email: laphuc@gmail.com

²Đoàn khảo sát gồm: La Thế Phúc, Lương Thị Tuất, Vũ Tiến Đức, Bùi Văn Thơm, Phạm Gia Minh Vũ.

³Đoàn khai quật hang động gồm: La Thế Phúc, Nguyễn Khắc Sử, Nguyễn Lâm Cường, Lê Xuân Hưng, Phạm Thị Phương Thảo.

⁴Đoàn khảo sát: La Thế Phúc, Vũ Tiến Đức, Lương Thị Tuất.

New discovery of the Ho Tre neolithic archaeological site in Dak Lak province

The Phuc La^{1*}, Tien Duc Vu²; Thi Tuat Luong¹,
Van Thom Bui³, Trung Minh Nguyen¹

¹Vietnam National Museum of Nature, VAST

²Institute of Social Sciences of Central Highlands, VASS

³Institute of Geological Sciences, VAST

Received 28 August 2019; accepted 30 September 2019

Abstract:

The Ho Tre archaeological site in Hoa Tay village was discovered by The Phuc La and Thi Tuat Luong in a field trip during the 2018 dry season. The cultural relics are mainly distributed on the crater surface of the Ho Tre volcano with the average altitude of about 578 m asl. Hundreds of artefacts have been collected, including such stone tools as: oval axes, grind-stones, sharpening stones, stone cores, flakes, ect., which are mainly made of basalt, quartzite silty-sandstone, silty-sand stone, hornfels; and several broken pieces of pottery. According to the initial archaeological assessment, their technique and geometric features characterise for the Neolithic Age. The finding has a great significance, contributing to adding research materials about the Neolithic Age in the south of the Central Highlands in particular and in Vietnam in general as well.

Keywords: archaeological site, artefact, Ho Tre, neolithic, Stone tool, volcano.

Classification number: 5.9

cụm chế tác công cụ, minh chứng cho loại hình di tích công xưởng và di tích cư trú của cư dân tiền sử ở Hồ Tre.

Kết quả khảo sát mùa khô năm 2018-2019 đã thu được nhiều di vật và xác lập được địa tầng của di tích, bước đầu gợi mở nhận thức về các giá trị khoa học và vị trí của di tích Hồ Tre trong diễn trình phát triển thời tiền sử khu vực phía nam Tây Nguyên. Kết quả phát hiện cùng bộ sưu tập 103 di vật các loại đã được thông báo ở Hội thảo của đề tài ngày 22/8/2019 tại Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, được các nhà khảo cổ Việt Nam đánh giá rất cao. Bài viết này tổng hợp lại quá trình khảo sát phát hiện và những đặc trưng di tích, di vật của địa điểm khảo cổ học Hồ Tre.

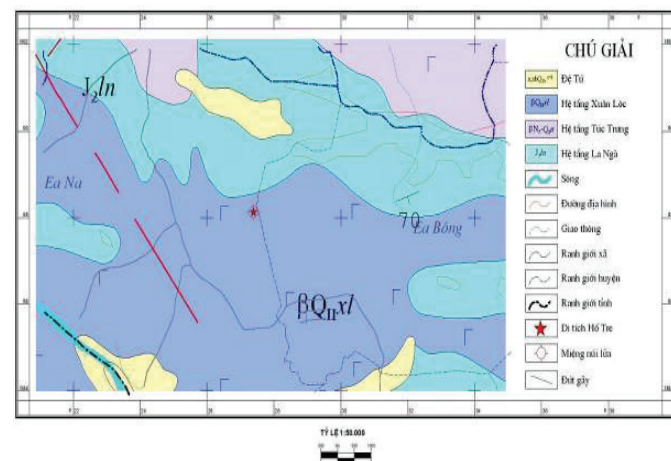
Sơ lược đặc điểm địa chất khu vực di tích

Theo bản đồ tỷ lệ 1/200.000, các thành tạo địa chất khu vực di tích Hồ Tre có sự hiện diện các hệ tầng sau:

- **Hệ tầng La Ngà** (J_2ln , tuổi: 174,1-163,5 triệu năm BP): phân bố thành dải rộng lớn (hình 1). Mặt cắt đầy đủ gồm 3 tập: tập 1: chủ yếu là bột kết màu xám, dạng dải, phong hóa màu vàng, dễ vỡ vụn thành các mảnh nhỏ. Chiều dày khoảng 250-300 m; tập 2: bột kết màu đen, phân lớp mỏng, mặt lớp có nhiều tinh thể pyrit xen với đá phiến sét và các lớp mỏng cát kết có những vẩy mica trắng, đá dạng sọc dải; tập 3: cát kết hạt vừa - nhỏ màu xám, xám nhạt, xám vàng xen cát kết màu xám, xám vàng, bột kết và ít lớp mỏng sét kết. Chiều dày chung của hệ tầng khoảng 700-800 m [2]. Cát kết màu xám - xám vàng được người tiền sử dùng làm bàn mài.

- **Hệ tầng Túc Trưng** (βN_2-Q_{1tt} , tuổi: 5,333-0,781 triệu năm BP): phân bố thành diện rộng ở phần phía bắc của khu vực (hình 1). Mặt cắt của hệ tầng gồm 1-2 tập basalt xen các lớp mỏng basalt phong hóa thành đất đỏ, dày 20-70 m. Thành phần thạch học gồm: basalt olivin - augit, basalt olivin - augit - plagioclas. Đá basalt có màu xám đến xám xanh, xám đen; cấu tạo khối đặc xít hoặc lỗ hổng nhỏ [2]. Các đá basalt đặc xít thường rắn chắc, dễ ghè đập tạo hình theo ý muốn và có mảnh vỡ tạo rìa sắc cạnh, được người tiền sử ưa dùng để chế tác công cụ, phục vụ cuộc sống sinh tồn.

- **Hệ tầng Xuân Lộc** (βQ_1^{2xl} , tuổi: 0,781-0,126 triệu năm BP): phân bố thành diện lớn, chiếm diện tích chủ yếu của khu vực (hình 1). Hệ tầng có từ 1 đến 2 tập basalt olivin, basalt olivin - augit, basalt olivin - augit - plagioclas, dày 20-90 m. Đá có dạng vi hạt hoặc ẩn tinh, màu xám, xám đen, cấu tạo khối đặc xít hoặc lỗ hổng [2]. Đá basalt có cấu tạo đặc xít thường cứng rắn, hơi giòn, mảnh vỡ sắc cạnh và dễ tạo hình nên được người tiền sử ưa dùng để chế tác công cụ.



Hình 1. Sơ đồ địa chất khu vực di tích Hồ Tre [2].

- **Trầm tích bờ rời Đệ tứ (Q):** phân bố thành 3 diện nhỏ (hình 1), chủ yếu là các thành tạo trầm tích có tuổi Holocene giữa - muộn (8.000 năm đến nay) với 2 kiểu nguồn gốc: sông, sông - đầm hồ (a, abQ_2^{2-3}). Trầm tích nguồn gốc sông phân bố dọc theo 2 bờ sông Krông Ana và sông Sêrêpôk, gồm: cuội sạn, cát, bột sét màu sắc loang lổ và những kết vón laterit, dày 5-6 m. Trầm tích nguồn gốc đầm hồ phân bố rải rác ở các thung lũng giữa núi, trước núi và trong miệng núi lửa, gồm sét bột màu xám giàu bùn mùn thực vật, đôi nơi có than bùn [2]. Ngoài ra, còn có các thành tạo trầm tích tuổi Đệ tứ không phân chia có nguồn gốc eluvi, deluvi, proluvi phân bố rải rác trong khu vực, nhưng khối lượng nhỏ (không thể hiện được trên bản đồ) ở ven các địa hình cao (núi đồi) và ven các thung lũng.

Đặc điểm di tích



Hình 2. Miệng núi lửa và vị trí di tích Hồ Tre (nguồn: La Thế Phúc, 2018).



Hình 3. Bề mặt gò nổi chứa nhiều di vật ở di tích Hồ Tre (nguồn: La Thế Phúc, 2018).



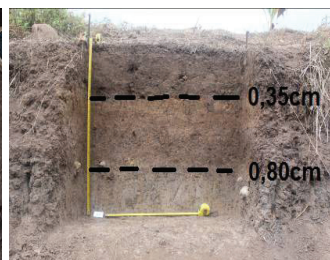
Hình 4. Di vật ở sườn ao của di tích Hồ Tre (nguồn: La Thế Phúc, 2018).



Hình 5. Vách taluy và cụm đá xếp (nguồn: La Thế Phúc, 2019).



Hình 6. Cụm chế tác trong tầng văn hóa (nguồn: La Thế Phúc, 2019).



Hình 7. Địa tầng vách hồ đào (nguồn: La Thế Phúc, 2019).

Cấu tạo địa tầng

Cấu tạo địa tầng vách taluy được làm sạch (hình 5, 7) phản ánh địa tầng di tích Hồ Tre theo thứ tự từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp mặt: dày 0,3-0,35 m, màu xám đen do lẫn nhiều vật chất hữu cơ, bờ rời, mềm, lẫn nilon, rễ cây... không chứa hiện vật khảo cổ. Tầng lớp mặt bị xáo trộn do hoạt động canh tác nông nghiệp của con người.

+ Lớp văn hóa: dày 0,4-0,45 m, là lớp laterit hiện đại màu xám - xám vàng nhạt nén chặt, hơi cứng. Càng xuống dưới, càng xuất hiện hiện tượng kết vón laterit nhưng chưa tạo thành sạn sỏi laterit. Lớp laterit này hình thành do sự dao động lên xuống của mực nước trong miệng núi lửa. Trong lớp văn hóa xuất hiện các di vật khảo cổ bằng đá và gốm (ít).

+ Sinh thổ là lớp sét màu xám đen - đen giàu mùn thực vật (trầm tích tương đầm hồ), mùa khô hơi cứng, không còn di vật khảo cổ.

Di tích

Tại độ sâu 0,6-0,7 m trong địa tầng vách taluy, xuất lộ một cụm đá xếp (hình 5, 6). Cụm đá xếp nằm ngay bên trên bề mặt sinh thổ, bao gồm: 1 hòn kê xếp cạnh 1 hòn đá basalt với nhiều lỗ lõm sâu có nguồn gốc tự nhiên, xung quanh là riu hình bầu dục, riu ngắn, công cụ mảnh, hạch đá, đá nguyên liệu và mảnh tước với mật độ dày đặc so với mật độ di vật tại những nơi khác. Kích thước phần xuất lộ của cụm đá xếp: rộng 0,3 m x dài 0,5 m (hình 5, 6). Cụm đá xếp có khả năng là nơi cư dân Hồ Tre chế tác công cụ đá tại chỗ. Trong tầng văn hóa di tích Thôn Tám khai quật năm 2006 và năm 2013 đã phát hiện tổng cộng 11 cụm đá xếp tương tự cụm đá xếp Hồ Tre. Cụm đá xếp này là loại hình di tích đặc trưng trong tầng văn hóa các di tích giai đoạn Trung kỳ Đá mới ngoài trời của tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông [3, 4]. Sự hiện diện của cụm đá xếp, công cụ đá, mảnh tước, hòn kê tại chỗ và hòn mài, hòn lấy lửa (?), mảnh gốm vỡ từ các vật dụng đã minh chứng cho di tích công xưởng và di tích cư trú của cư dân tiền sử nơi đây. Di tích Hồ Tre thuộc loại hình di tích cư trú và công xưởng.

Di vật

Di vật phân bố dày đặc trên bề mặt di tích, chủ yếu là đồ đá, đồ gốm. Đoàn khảo sát thu thập ngẫu nhiên 103 di vật, gồm 80 di vật đá và 23 mảnh gốm (bảng 1); trong đó có 37 di vật đá và 1 mảnh gốm thu thập được trong hồ đào (ở vách taluy kênh dẫn nước).

Bảng 1. Thống kê di vật sưu tập trên bề mặt di tích Hố Tre.

		Số lượng		
		Trong hố	Bề mặt	Tổng cộng
Đồ đá	Công cụ lao động	Rìu bầu dục	1	2
		Rìu ngắn	1	2
		Rìu hình chữ nhật	0	1
		Công cụ rìu xiên	0	1
		Công cụ mảnh tước	1	1
		Bàn mài	0	1
		Hòn kê	1	5
	Phác vật	Phác vật	0	8
	Đá nguyên liệu, phế liệu	Mảnh tước	20	13
		Đá nguyên liệu	11	11
Đồ gốm	Mảnh gốm	1	22	23
Tổng cộng				103

Đồ đá:

- Về chất liệu, đồ đá di tích Hố Tre được chế tạo chủ yếu từ đá cuội basalt, một số khác được chế tác từ đá cát kết dạng quartzit và cát bột kết. Cuội basalt có thành phần thạch học là basalt olivin, basalt olivin - augit thuộc hệ tầng Xuân Lộc. Đá có dạng vi hạt - ẩn tinh, màu xám, xám đen, cấu tạo khối đặc xít, rắn chắc và hơi giòn, dễ ghe đẽo theo mọi hướng, mảnh vỡ sắc cạnh được người tiền sử ưa dùng. Đá nguyên liệu có kích thước trung bình, hình cầu hoặc gần hình tứ giác gần gũi với phác vật và công cụ lao động hoàn chỉnh. Điều này chứng tỏ cư dân Hố Tre sử dụng có lựa chọn từ nguồn đá nguyên liệu tại chỗ, trên cơ sở tri thức tích lũy nhiều thế hệ cùng nhu cầu của kỹ thuật chế tác và loại hình công cụ cần thiết, đảm bảo hiệu quả trong quá trình chế tác mà vẫn tiết kiệm công sức.

- Về kỹ thuật chế tác, các di vật thu thập tại di tích Hố Tre cho thấy tuyệt đại bộ phận công cụ đá được chế tác bằng kỹ thuật ghe đẽo. Đặc biệt, kỹ thuật ghe đẽo hai mặt được sử dụng phổ biến trong chế tạo rìu bầu dục, rìu ngắn. Đây là kỹ thuật ghe đẽo gọi lại phong cách kỹ thuật sử dụng phổ biến trong văn hóa Hòa Bình nhưng có sự phát triển ở trình độ cao hơn khi ghe cả hai mặt, vết ghe hướng tâm, hình dáng khá chuẩn xác, rìu lưỡi cũng được tu chỉnh cẩn thận. Kỹ thuật chặt/bỏ cuội được sử dụng phổ biến để tạo một mặt phẳng lớn của rìu bầu dục và rìu ngắn hoặc tạo mặt đốc phẳng của rìu ngắn.

Mặc dù trong bộ sưu tập không có công cụ mài, nhưng cư dân Hố Tre có thể đã biết sử dụng kỹ thuật mài trong chế tác công cụ, dù trình độ mài ở mức độ sơ khai và chưa được sử dụng phổ biến trong hoàn thiện công cụ lao động, thể hiện qua sự hiếm gặp của bàn mài nơi đây. Qua các đợt khảo sát sơ bộ di tích Hố Tre, các nhà khoa học mới chỉ phát hiện được 1 chiếc bàn mài (hình 10).

- Về loại hình di vật: di vật đá sưu tập trên bề mặt của di

tích bao gồm các loại hình: 1) Các công cụ lao động, gồm rìu bầu dục, rìu ngắn, rìu hình chữ nhật, công cụ rìu xiên, công cụ mảnh tước, hòn ghè, hòn lấy lửa (?), bàn mài; 2) Phác vật; 3) Đá nguyên liệu và phế liệu (bảng 1). Đặc điểm cụ thể các loại hình như sau:

+ Rìu bầu dục (bảng 1, hình 8), gồm 3 chiếc, trong đó tìm thấy trong vách taluy 1 chiếc, thuộc nhóm rìu bầu dục ngắn/gần tròn được làm từ đá basalt. Công cụ có hai mặt phẳng lớn, đều là những mặt cuội tự nhiên hoặc một mặt là mặt cuội, mặt còn lại được tạo bởi kỹ thuật bỏ cuội; các mặt lớn mỏng dần về phía rìa, còn một phần vỏ cuội. Rìa cạnh công cụ có các vết ghe kích thước nhỏ, ghe hai mặt, hướng vát từ rìa cạnh lan rộng lên thân, một lớp ghe, nối tiếp nhau tạo thành một đường rìa lưỡi mỏng và sắc, lượn cong theo phần lớn chu vi công cụ. Rìa lưỡi công cụ có vết mòn do quá trình sử dụng tạo ra. Tiết diện bổ dọc và mặt cắt ngang hình thấu kính. Kích thước rìu bầu dục: dài 6,8-12,4 cm, rộng 5,0-6,1 cm, dày 2,1-2,6 cm.



Hình 8. Rìu bầu dục (nguồn: La Thế Phúc, 2019).



Hình 9. Rìu ngắn (nguồn: La Thế Phúc, 2019).

+ Rìu ngắn (bảng 1, hình 9), gồm 3 chiếc, trong đó tìm thấy trong vách taluy 1 chiếc, được làm từ đá basalt, tương tự rìu bầu dục nhưng bị chặt ngang/bỏ đôi ngay chính giữa thân công cụ, tạo thành mặt đốc phẳng đối diện lưỡi ghe cong. Kích thước rìu ngắn: dài 5,7-9,5 cm, rộng 4,7-6,5 cm, dày 1,5-2,2 cm.

Về mặt hình dáng và kỹ thuật của rìu bầu dục, rìu ngắn ở di tích Hố Tre gọi lại cho chúng ta nhớ đến hình dáng công cụ và kỹ thuật ghe đẽo truyền thống của văn hóa Hòa Bình, nhưng đã phát triển ở mức cao hơn. Tuy nhiên, rìu bầu dục và rìu ngắn tại Hố Tre được ghe hai mặt, đóng vai trò tăng thêm độ mỏng và sắc của rìa tác dụng. Hình dáng công cụ tương đối chuẩn xác, rìa lưỡi cũng được tu chỉnh cẩn thận.

+ Rìu hình chữ nhật ký hiệu 19.HT.ST:1 (bảng 1, hình 12) được làm từ đá cát kết dạng quartzit, màu xám nhạt, còn nguyên vẹn, chế tác bằng kỹ thuật ghe đẽo, không có dấu vết kỹ thuật mài. Hai mặt lớn phẳng, không còn vỏ cuội. Đốc ghe phẳng, lượn cong về phía thân, đối diện rìa lưỡi. Các vết ghe tạo hình chủ yếu tập trung tại mặt lớn dày, ghe lan thân; các vết ghe tạo lưỡi tác dụng tại mặt đối là các vết ghe kích thước dưới 1 cm, nhằm tăng thêm độ sắc của rìa lưỡi. Rìa lưỡi lượn cong, mặt cắt hình chữ "V" hơi lệch. Mặt cắt ngang gần hình bầu dục, tiết diện bổ dọc hình nêm. Công cụ vừa bảo lưu một số nét tương đồng hình dáng và dấu ấn kỹ thuật loại hình công cụ bầu dục, vừa nảy sinh yếu tố có vai của rìu, bên giai đoạn Hậu kỳ Đá mới.



Hình 10. Bàn mài (nguồn: La Thế Phúc, 2019).



Hình 11. Hòn kê (ảnh trái) và hòn đá lấy lửa (?) (nguồn: La Thế Phúc, 2019).



Hình 12. Rìu hình chữ nhật (nguồn: La Thế Phúc, 2019).



Hình 13. Phác vật (nguồn: La Thế Phúc, 2019).



Hình 14. Mảnh tước (nguồn: La Thế Phúc, 2019).



Hình 15. Công cụ rìu xiên (nguồn: La Thế Phúc, 2019).

+ Công cụ rìu xiên ký hiệu 18.HT.ST:4 (hình 15), được làm từ đá basalt, màu xám phớt xanh, còn nguyên vẹn, chế tác bằng kỹ thuật ghè đẽo, hình khối tam diện. Công cụ được chế tác từ một viên cuội hình trụ tròn với hai mặt lớn kề nhau còn nguyên vỏ cuội. Mặt đối là bề mặt tạo bởi nhiều vết ghè bất chèo từ hai đầu đối của viên cuội, góc ghè gần 90° , nối tiếp nhau tạo thành một rìa thẳng nổi một đoạn rìa lượn cong. Rìa tạo bởi các vết ghè sắc, có dấu vết sử dụng. Công cụ mang phong cách tương đồng loại hình rìu xiên phổ biến trong các di tích thuộc văn hóa Sơn Vi. Mặt cắt ngang và tiết diện bổ dọc hình tam giác; kích thước: dài 8,1 cm, rộng 3,7 cm, dày 2,6 cm.

+ Công cụ mảnh tước gồm 2 chiếc: 1 chiếc được sưu tầm trên bề mặt và 1 được phát hiện trong tầng văn hóa ở vách taluy kênh dẫn nước, có hình gần bầu dục, ghè tu chỉnh rìa cạnh cả hai mặt, tạo hình dáng gần giống rìu bầu dục.

+ Bàn mài chỉ phát hiện trên bề mặt di tích được 1 chiếc (còn khá nguyên vẹn), hình chữ nhật với kích thước 30x16x6 cm (bảng 1, hình 10), được làm từ đá cát kết hạt nhỏ - trung, cả 2 mặt đều có vết mài. Một mặt có 2 vết mài dài, mỗi vết có chiều rộng 7-8 cm nằm so le nhau kéo dài hết di vật và cùng có chiều sâu 1-2 cm. Một mặt chỉ có 1 vết mài lớn rộng 10-11 cm kéo dài hết di vật, sâu 2-3 cm. Các biên bên gờ của vết mài cũng được sử dụng để mài. Vết mài phản ánh kỹ thuật mài rất có chủ ý/ý thức.

- Hòn kê, gồm 6 hiện vật, thường là những viên cuội basalt olivin - augit - plagioclas, màu xám, vi hạt, có độ cứng cao, kích thước lớn, bề mặt thường có các vết kê (hình 11,

ảnh trái). Đáng chú ý, trong cụm đá xếp xuất lộ một phần tại hố đào ở vách taluy tìm thấy 1 hòn kê bên cạnh rìu bầu dục, rìu ngắn, công cụ mảnh, hạch đá, đá nguyên liệu, mảnh tước, chứng tỏ cư dân Hố Tre chế tác và hoàn thiện công cụ đá tại chỗ. Loại hình hòn kê này còn được tìm thấy phổ biến trong một số di tích giai đoạn Trung kỳ Đá mới như: di tích Thôn Tám (Đắk Nông), Buôn Kiều (Đắk Lắk) [1, 4]. Ngoài ra, trên mặt di tích còn thấy một số hòn cuội giống như hòn kê, bằng cát sạn kết rắn chắc, tay sờ thấy rất thô ráp, trên mặt có các lỗ tròn trịa ~2 cm, khá gọn gàng và sâu hơn các vết kê (hình 11, ảnh phải) của hòn kê. Có thể đây là vết tích các lỗ xoay của đầu que tre/gỗ vào đá để lấy lửa (?) của cư dân tiền sử.

+ Phác vật trong sưu tập trên bề mặt di tích Hố Tre là phác vật rìu bầu dục (6 chiếc) và phác vật rìu ngắn (2 chiếc) (bảng 1, hình 13). Chất liệu, kỹ thuật chế tác và hình dáng phác vật tương tự rìu bầu dục, rìu ngắn hoàn thiện được thu thập tại di tích. Phác vật rìu bầu dục Hố Tre không có dấu vết thắt eo như nhóm phác vật bầu dục dài ở di tích Thôn Tám.

+ Đá nguyên liệu là những hòn cuội sông suối, hình cầu hoặc gần hình tứ giác; chất liệu chủ yếu là đá basalt, thứ yếu là đá cát bột kết. Trên bề mặt một số tiêu bản có vết ghè. Một số tiêu bản khác còn nguyên vẹn, chưa có dấu vết chế tác hoặc sử dụng.

+ Mảnh tước gồm 33 mảnh, trong đó có 20 mảnh được tìm thấy trong vách, chiếm số lượng lớn trong bộ sưu tập di vật Hố Tre (bảng 1, hình 14). Chất liệu chủ yếu là đá basalt, tương đồng chất liệu chủ yếu của các loại hình công cụ sưu tập trong di tích. Các mảnh tước thuộc loại hình mảnh tước ban đầu, mảnh tước thứ và dăm tước. Kích thước mảnh tước đa dạng. Các tiêu bản mảnh tước ban đầu có kích thước trung bình (3-5 cm) hoặc lớn (>5 cm), dày trên dưới 1 cm. Mảnh tước thứ kích thước trung bình hoặc nhỏ (1-3 cm), mỏng đẹp, một số tiêu bản không còn vỏ cuội. Dăm tước kích thước nhỏ (<1 cm). Mảnh tước phân bố rải rác trong độ sâu 0,3-0,7 m, dày đặc tại cụm chế tác đá với hình dạng phong phú (hình 14).

Đồ gốm:

Đồ gốm sưu tập được 23 mảnh (22 mảnh ở trên mặt di tích, 1 mảnh ở lớp trên thuộc tầng văn hóa của hố đào vách taluy), gồm: 17 mảnh thân (trong đó có 1 mảnh ở hố đào), 6 mảnh miệng. Áo gốm có màu xám đen - xám nâu - nâu. Xương gốm thô, cứng, lộ rõ các hạt cát thô được làm từ đất sét chưa lọc kỹ, trộn cát thô; độ nung không cao. Phần lớn các mảnh gốm đã bị bong tróc áo gốm. Hoa văn trang trí là văn thừng hoặc văn chải. Các mảnh gốm được vỡ từ các vật dụng hình tròn (như nồi đun nấu, bình đựng...) có đường kính miệng >20 cm, chiều dày gốm (phần thân) khoảng 0,3-0,4 cm; miệng loe cong, không trang trí hoa văn trên thành miệng, mép miệng vê tròn (hình 16). Đồ gốm di tích Hố Tre tương đồng đồ gốm đã được phát hiện tại lớp trên trong tầng văn hóa di tích Buôn Hằng Năm, di tích Buôn Kiều (Đắk Lắk) và di tích Thôn Tám (Đắk Nông) [4, 5].



Hình 16. Mảnh gốm vỡ từ thân (ảnh trái) và vỡ từ miệng (ảnh phải) của vật dụng (nguồn: La Thế Phúc, 2019).

Một số nhận xét và kiến nghị

Di tích Hồ Tre thuộc loại hình di tích cư trú - xương của các cư dân tiền sử. Đây là di tích tiền sử đầu tiên tại Tây Nguyên được phát hiện trên miệng núi lửa. Yếu tố tự nhiên đặc thù miệng núi lửa, đặc biệt là hòng trũng núi lửa chứa nước, được cư dân Hồ Tre khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu sinh tồn cơ bản của con người nơi đây. Điều này tạo nên tính độc đáo của di tích Hồ Tre.

Địa tầng di tích Hồ Tre còn nguyên vẹn, trầm tích tại chỗ, chứa đựng di vật khảo cổ. Tầng văn hóa di tích Hồ Tre không dày, trung bình khoảng 0,4-0,45 m, thuần nhất 1 lớp văn hóa, chứng tỏ quá trình sinh sống liên tục của con người tại di tích. Sự khác biệt mức độ laterit hóa theo độ sâu trầm tích tầng văn hóa phản ánh biến động địa chất - môi trường tự nhiên của miệng núi lửa cô trong thời gian tồn tại di tích. Di tích chưa được khai quật, cho nên còn nhiều vấn đề chưa sáng tỏ, cần tiếp tục nghiên cứu trong tương lai.

Cư dân tiền sử Hồ Tre đã chế tác, hoàn thiện công cụ đá ngay tại nơi cư trú. Nguyên liệu chế tác công cụ được lựa chọn từ những hòn cuội phân bố ở các sông suối lân cận trong khu vực. Cuội thường có kích thước nhỏ và hình dáng gần gũi với kích thước và hình dáng công cụ hoàn thiện. Chất liệu công cụ đá chủ yếu là basalt olivin, basalt olivin - augit thuộc hệ tầng Xuân Lộc; rất hiếm gặp đá trầm tích.

Tổ hợp công cụ lao động của cư dân Hồ Tre chủ yếu là rìu bầu dục, rìu ngắn. Chúng gợi lại hình dáng công cụ và kỹ thuật ghè đẽo truyền thống của văn hóa Hòa Bình, nhưng đã phát triển ở mức cao hơn. Kỹ thuật chế tác công cụ đá chủ yếu là kỹ thuật ghè đẽo hai mặt, bóc toàn bộ lớp vỏ cuội, và có thể đã biết đến kỹ thuật mài sơ khai. Đồ gốm di tích Hồ Tre chủ yếu là gốm thô, cứng, ít về số lượng và thuần nhất về chất liệu và kỹ thuật chế tạo.

Tổ hợp công cụ đá và đồ gốm di tích Hồ Tre mang phong cách truyền thống Hòa Bình nhưng phát triển ở một trình độ cao hơn, tương ứng giai đoạn Trung kỳ Đá mới. Tuy nhiên, yếu tố mới của giai đoạn Hậu kỳ Đá mới đã nảy sinh trong phong cách chế tạo công cụ đá bên cạnh sự bảo lưu/trương đồng yếu tố kỹ thuật và hình dáng công cụ của các giai đoạn trước.

Di tích Hồ Tre phân bố trong khu vực hệ thống sông Sêrêpôk - lớn nhất Tây Nguyên. Tính đến nay đã phát hiện 13 di tích, cụm di tích giai đoạn Trung kỳ Đá mới, bao gồm:

cụm di tích Làng Gà (Gia Lai), các di tích Buôn Kiều, Buôn Hằng Năm, Ea Chồ (Đắk Lắk), các cụm di tích Thôn Tám, Tân Lập và 7 di tích trong hang động núi lửa Krông Nô (Đắk Nông) [5]. Các di tích này chế tác và sử dụng tổ hợp công cụ đá rìu bầu dục, rìu ngắn... mang phong cách Hậu Hòa Bình với đặc trưng kỹ thuật ghè hai mặt; chế tạo và sử dụng gốm thô. Di tích Hồ Tre có thể cùng chung cơ tầng văn hóa và cùng thuộc hệ thống các di tích giai đoạn Trung kỳ Đá mới lưu vực sông Sêrêpôk.

Kết quả phân tích 14 mẫu C14 tại di tích hang động núi lửa C6-1, 1 mẫu C14 hang động núi lửa C6', 2 mẫu C14 di tích Buôn Kiều và 1 mẫu C14 di tích Buôn Hằng Năm cho giới hạn khung niên đại giai đoạn Trung kỳ Đá mới tại khu vực phía nam Tây Nguyên trong giới hạn từ 7.000-3.500 năm BP. Niên đại tuyệt đối di tích Hồ Tre có thể nằm trong khung giới hạn niên đại này [1, 5].

Di tích Hồ Tre là một di sản kép/di sản hỗn hợp của thiên nhiên và con người, có giá trị khoa học nổi bật trong nghiên cứu tiền sử Đắk Lắk và khu vực nam Tây Nguyên trong bối cảnh chung của Đông Nam Á. Trước những hoạt động của người dân hiện nay, cảnh quan địa hình và môi sinh khu vực miệng núi lửa Hồ Tre đã và đang bị đe dọa xâm hại nghiêm trọng, di tích rất dễ bị phá hủy, cần sớm triển khai các hoạt động khai quật, nghiên cứu chi tiết bảo tồn di sản, phục vụ xây dựng bảo tàng bảo tồn tại chỗ gắn với khai thác du lịch, phát triển bền vững kinh tế - xã hội địa phương.

LỜI CẢM ƠN

Bài viết này là sản phẩm của đề tài TN17/T06, trong quá trình thực hiện đã nhận được sự tư vấn chỉ đạo, chỉnh lý tài liệu và hiện vật khảo cổ từ PGS.TS Nguyễn Khắc Sử (chuyên gia khảo cổ). Các tác giả xin trân trọng cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] La The Phuc, Nguyen Khac Su, Vu Tien Duc, Luong Thi Tuat, Phan Thanh Toan, Nguyen Thanh Tung, Nguyen Trung Minh (2017), "New discovery of prehistoric archaeological remnants in volcanic caves in KrongNo, Dak Nong Province", *Vietnam Journal of Earth Sciences*, 39(2), pp.97-108.
- [2] Lê Hải Đăng (2013), *Báo cáo kết quả khai quật di chỉ Thôn Tám, xã Đắk Wil, huyện Chư Jút, tỉnh Đắk Nông năm 2013*, tư liệu Viện Khảo cổ học.
- [3] Nguyễn Đức Thắng (1999), *Địa chất và khoáng sản nhóm tờ Bến Khê - Đồng Nai, tỷ lệ 1:200.000*, Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- [4] Nguyễn Gia Đối, Lê Hải Đăng (2006), *Báo cáo khai quật di chỉ Thôn Tám, xã Đắk Wil, huyện Chư Jút (Đắk Nông)*, tài liệu Viện Khảo cổ học.
- [5] Nguyễn Mạnh Thắng và cộng sự (2016), *Báo cáo kết quả khai quật di tích Buôn Kiều (xã Yang Mao, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk)*, tư liệu Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.